

Bản án số: 34/2026/DS-ST

Ngày: 29/6/2026

*“V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Vượng

2. Bà Đào Thị Thanh Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Minh Thiện - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Mừng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 52/2026/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2026 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2026/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1958 *“Có mặt”*

CCCD số: 033058013982; Ngày cấp: 07/10/2022; Nơi cấp: Bộ Công an.

Địa chỉ: Đội NT, thôn TD, xã TL, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1958 *“Có mặt”*

CCCD số: 033158002744; Ngày cấp: 28/6/2021; Nơi cấp: Bộ Công an.

Địa chỉ: Thôn TD, xã TL, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các văn bản bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Xuân T trình bày:

Ông Nguyễn Xuân T và bà Nguyễn Thị S là người cùng làng, ngoài ra không có quan hệ nào khác. Năm 2013 bà S có vài lần đến nhà ông T hỏi vay tiền để làm nhà. Do bà S đến nhiều lần, nể tình làng nghĩa xóm nên ông T đã cho bà S vay số tiền 35.000.000 đồng vào ngày 28/3/2013 âm lịch, tức ngày 07/5/2013 dương lịch, lãi suất theo thỏa thuận, khi nào ông T cần thì bà S phải trả cho ông T. Bà S trực tiếp viết giấy biên nhận vay tiền đề ngày 28/3/2013 âm lịch.

Năm 2014 con trai ông T tốt nghiệp đại học cần tiền để xin việc, ông T đến nhà bà S yêu cầu bà S trả tiền nhưng bà S nói chưa có. Từ đó cho đến nay rất nhiều lần ông T yêu cầu bà S trả tiền nhưng bà S không trả, đều đưa ra lý do là chưa có tiền, đợi bán ruộng, đợi con gửi tiền về. Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà S phải trả ông T số tiền nợ gốc là 35.000.000 đồng và lãi suất theo lãi suất tiền gửi của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn tại xã HHT, tỉnh Hưng Yên, thời hạn tính lãi suất kể từ ngày vay 07/5/2013 cho đến ngày bà S trả hết tiền.

Tại bản văn bản trình bày ý kiến và các văn bản bổ sung, bị đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:

Năm 2013 bà S cần vốn đi buôn ở chợ nên có sang nhà ông T để vay tiền. Tại nhà ông T, ông T yêu cầu và đọc cho bà S viết Giấy biên nhận vay tiền. Nội dung cụ thể Giấy biên nhận vay tiền bà S không nhớ do đã xảy ra cách đây 13 năm mà chỉ nhớ nội dung số tiền vay là 35.000.000 đồng, không có thời hạn vay, không nhớ có lãi suất hay không. Sau khi viết xong ông T bảo bà S ký tên Nguyễn Thị S và ông T thu lại giấy này nhưng chưa giao tiền cho bà S, ông T nói cứ đi về trước vài ngày nữa ông T dồn được tiền sẽ gọi bà S đến lấy. Từ đó đến nay bà S chưa được nhận tiền của ông T.

Giấy biên nhận vay tiền ngày 28/3/2013 âm lịch do ông T giao nộp cho Tòa án, bà S xác nhận đúng do bà S viết và ký nhưng bà S chưa được nhận tiền của ông T. Ông T nói đã giao tiền cho bà S thì ông T phải ký vào giấy Biên nhận vay tiền và phải có Biên bản giao nhận tiền, nếu không có Biên bản giao nhận tiền thì phải có giao dịch chuyển khoản hoặc phải có video về việc giao nhận tiền và có người làm chứng.

Nay ông T buộc bà S trả số tiền 35.000.000 đồng và lãi, bà S không đồng ý bởi bà S chưa được nhận tiền của ông T và ông T không xuất trình được các chứng cứ như bà S nêu trên.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không hòa giải được.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn ông Nguyễn Xuân T và bị đơn bà Nguyễn Thị S giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trên.

* Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 1:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 1- Hưng Yên đã chấp hành nghiêm chỉnh trình tự tố tụng từ khi thụ lý, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến quá trình xét xử công khai tại phiên tòa.

- Về nội dung: Căn cứ các Điều 116, 117, 274, 275, 280, 375, 363, 365, 366, 368 Bộ luật dân sự; Các Điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T. Buộc bà Nguyễn Thị S phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Xuân T số tiền nợ gốc là 35.000.000đồng.

+ Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Xuân T khởi kiện tranh chấp đối với bị đơn bà Nguyễn Thị S, địa chỉ: thôn TD, xã TL, tỉnh Hưng Yên, nội dung khởi kiện: Yêu cầu bà S phải trả ông T khoản tiền đã vay và lãi suất. Căn cứ các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Hưng Yên.

[2] Về nội dung:

Ông Nguyễn Xuân T trình bày ngày 28/3/2013 âm lịch ông T có cho bà Nguyễn Thị S vay số tiền 35.000.000 đồng, bà S đã viết giấy biên nhận vay tiền cho ông T. Giấy biên nhận vay tiền do ông T giao nộp có nội dung: “*Tôi là Nguyễn Thị S, thôn Chiêu Dương, có nhờ ông Nguyễn Xuân T vay số tiền là 35.000.000đ ba năm triệu đồng chẵn. Khi nào gia đình cần tôi hoàn lại số tiền trên với lãi suất thỏa thuận*”. Bà S xác nhận năm 2013 do cần vốn đi buôn nên có đến nhà ông T vay tiền, ông T đọc cho bà S viết giấy biên nhận vay số tiền 35.000.000 đồng, không có thời hạn, không nhớ có lãi suất hay không, giấy biên nhận vay tiền ông T nộp cho Tòa án đúng là giấy do bà S viết và ký. Tuy nhiên bà S lại khai sau khi bà viết giấy biên nhận xong thì ông T cầm giấy nhưng ông T chưa giao tiền cho bà S, ông T nói mấy hôm nữa dồn được tiền sẽ gọi bà S đến lấy, từ đó đến nay bà S cũng chưa được ông T giao tiền. Bà S khai ông T chưa giao tiền nhưng bà S không xuất trình được căn cứ chứng minh, cũng không có người làm chứng, tại thời điểm bà S ghi giấy biên nhận vay tiền thì bà S hoàn toàn khỏe mạnh, minh mẫn. Do vậy việc bà S cho rằng bà S viết giấy biên nhận vay tiền nhưng chưa được nhận tiền của ông T là không có căn cứ chấp nhận. Giấy biên nhận vay tiền do ông T cung cấp đủ căn cứ xác định ngày 28/3/2013 âm lịch tức ngày 07/5/2013 dương lịch bà S có vay ông T số tiền 35.000.000 đồng. Như vậy ngày 07/5/2013 giữa ông T và bà S đã ký kết hợp đồng vay tài sản, không có kỳ hạn và có lãi. Ông T đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà S không trả nên bà S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận nên việc ông T khởi kiện yêu cầu bà S phải trả tiền nợ theo hợp đồng hai bên đã ký kết là có căn cứ chấp nhận.

Về lãi suất: Tại đơn khởi kiện ông T đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà S phải trả lãi suất theo lãi suất tiền gửi của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn tại xã HHT, tỉnh Hưng Yên, thời hạn tính lãi suất kể từ ngày vay 07/5/2013 (ngày 28/3/2013 âm lịch) cho đến ngày bà S trả hết tiền. Ngày 26/6/2026 ông T có đơn đề nghị về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện, ông T xét thấy có thời gian bà S khó khăn do làm ăn, hiện tại tuổi cũng đã cao, vì tình làng, nghĩa xóm ông T rộng lòng chấp nhận thiệt nên không tính lãi với bà S nữa,

chỉ yêu cầu bà S phải trả nợ số tiền nợ gốc. Xét việc ông T không yêu cầu bà S phải trả tiền lãi là sự tự nguyện của ông T nên được chấp nhận, không xem xét giải quyết về lãi suất.

[4] Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên bà S sinh năm 1958 đã trên 60 tuổi, có đơn đề nghị miễn án phí nên sẽ miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà S.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39 và Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Các Điều 463, 464, 465, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T.

Buộc bà Nguyễn Thị S phải trả ông Nguyễn Xuân T số tiền nợ gốc là 35.000.000đ (*Ba mươi năm triệu đồng*).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, ông T có đơn yêu cầu thi hành án, Cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành, nếu bà S không chịu thi hành khoản phải trả trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị S.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS KV1 - Hưng Yên;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lý